

SỞ GD-ĐT TP ĐÀ NẴNG TRƯỜNG THPT ÔNG ÍCH KHIÊM	KIỂM TRA 1 TIẾT MÔN GIẢI TÍCH 12
--	----------------------------------

Họ và tên:.....

Lớp:

Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D	Câu	A	B	C	D
1	O	O	O	O	6	O	O	O	O	11	O	O	O	O	16	O	O	O	O	21	O	O	O	O
2	O	O	O	O	7	O	O	O	O	12	O	O	O	O	17	O	O	O	O	22	O	O	O	O
3	O	O	O	O	8	O	O	O	O	13	O	O	O	O	18	O	O	O	O	23	O	O	O	O
4	O	O	O	O	9	O	O	O	O	14	O	O	O	O	19	O	O	O	O	24	O	O	O	O
5	O	O	O	O	10	O	O	O	O	15	O	O	O	O	20	O	O	O	O	25	O	O	O	O

Mã đề 850

Câu 1. Tìm số phức z thỏa mãn: $2iz = -10 + 6i$.

- A. $z = 3 + 5i$. B. $-3 + 5i$. C. $z = 3 - 5i$. D. $-3 - 5i$.

Câu 2. Biết z_1 là nghiệm phức có phần ảo dương của phương trình $z^2 - 2z + 5 = 0$. Tìm z_1 .

- A. $z_1 = 2 + i$. B. $z_1 = -2 + i$. C. $z_1 = -1 + 2i$. D. $z_1 = 1 + 2i$.

Câu 3. Cho hai số phức $z = 1 + 2i$ và $w = 3 - i$. Tính tổng của hai số phức z và w .

- A. $4 - i$. B. $4 + 3i$. C. $4 + i$. D. $4 - 3i$.

Câu 4. Gọi z_1, z_2, z_3, z_4 là bốn nghiệm phức của phương trình $z^4 - 2z^2 - 8 = 0$. Trên mặt phẳng tọa độ, gọi A, B, C, D lần lượt là bốn điểm biểu diễn bốn nghiệm z_1, z_2, z_3, z_4 đó. Tính giá trị của $P = OA + OB + OC + OD$, trong đó O là gốc tọa độ.

- A. $P = 4 + 2\sqrt{2}$. B. $P = 2\sqrt{2}$. C. $P = 4$. D. $P = 2 + \sqrt{2}$.

Câu 5. Tìm các số thực x, y thỏa mãn: $(x + 2y) + (2x - 2y)i = 7 - 4i$.

- A. $x = -\frac{11}{3}, y = \frac{1}{3}$. B. $x = 1, y = 3$. C. $x = \frac{11}{3}, y = -\frac{1}{3}$. D. $x = -1, y = -3$.

Câu 6. Cho hai số phức $z_1 = a + bi, a, b \in R$ và $z_2 = 1 + 2i$. Tìm phần ảo của số phức $\frac{z_1}{z_2}$ theo a, b

- A. $-2a + b$ B. $-b - 2a$ C. $\frac{2a + b}{5}$ D. $\frac{b - 2a}{5}$.

Câu 7. Cho hai số phức $z_1 = -3 + 4i; z_2 = 1 + 7i$. Mô đun của số phức $z_1 - z_2$ là:

- A. $|\sqrt{z_1 z_2}| = \sqrt{26}$ B. $|\sqrt{z_1 z_2}| = \sqrt{13}$ C. $|z_1 - z_2| = 5$ D. $|\sqrt{z_1 z_2}| = 5\sqrt{2}$

Câu 8. Gọi $z_1; z_2; z_3; z_4$ là các nghiệm phức của phương trình $z^4 + 4z^2 - 5 = 0$.

Tính $P = |z_1|^2 + |z_2|^2 + |z_3|^2 + |z_4|^2$.

- A. $P = 2 + 2\sqrt{5}$. B. $P = 12$. C. $P = 0$. D. $P = 2 + \sqrt{5}$.

Câu 9. Trong số các số phức z thỏa mãn điều kiện $|z - 4 + 3i| = 3$, gọi z_0 là số phức có mô đun lớn nhất. Khi đó $|z_0|$ là:

- A. 4. B. 5. C. 3. D. 8.

Câu 10. Cho số phức z thỏa mãn $|z| \leq 1$. Đặt $A = \frac{2z-i}{2+iz}$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. $|A| < 1$. B. $|A| \geq 1$. C. $|A| \leq 1$. D. $|A| > 1$.

Câu 11. Tìm số phức liên hợp của số phức $z = 1 - 9i$.

- A. $\bar{z} = -1 + 9i$. B. $\bar{z} = -1 - 9i$. C. $\bar{z} = 1 - 9i$. D. $\bar{z} = 1 + 9i$.

Câu 12. Kết quả của phép chia $\frac{3-i}{1+2i}$ là:

- A. $1 + \frac{1}{3}i$. B. $1 - \frac{1}{3}i$. C. $\frac{1}{5} + \frac{7}{5}i$. D. $\frac{1}{5} - \frac{7}{5}i$.

Câu 13. Cho hai số phức $z_1 = a + bi$ và $z_2 = c + di$. Tìm phần thực của số phức $z_1 \cdot z_2$.

- A. Phần thực của số phức $z_1 \cdot z_2$ là $ac + bd$.
B. Phần thực của số phức $z_1 \cdot z_2$ là $ad - bc$.
C. Phần thực của số phức $z_1 \cdot z_2$ là $ad + bc$.
D. Phần thực của số phức $z_1 \cdot z_2$ là $ac - bd$.

Câu 14. Cho số phức $z = x + 2yi$ ($x, y \in \mathbb{R}$). Khi đó, phần thực của số phức $w = (2z + i)(3 - i) - 6x$ là:

- A. $3x - 1$. B. $4y - 1$. C. $1 + 4y$. D. $-3x + 1$.

Câu 15. Trong các số phức z thỏa mãn $|z| = |\bar{z} - 3 + 4i|$. Số phức có mô đun nhỏ nhất là

- A. $z = 3 + 4i$. B. $z = \frac{3}{2} - 2i$. C. $z = \frac{3}{2} + 2i$. D. $z = -3 - 4i$.

Câu 16. Gọi z_1, z_2 là 2 nghiệm phức của phương trình $2z^2 - 3z + 8 = 0$. Tính $P = |z_1| + |z_2|$.

- A. $P = \frac{9}{4}$. B. $P = \frac{3}{2}$. C. $P = 2$. D. $P = 4$.

Câu 17. Tìm mô đun của số phức z thỏa mãn điều kiện $z(2 + i) + 3i = -2$.

- A. $|z| = \frac{13}{5}$. B. $|z| = 4\sqrt{2}$. C. $|z| = \frac{\sqrt{65}}{5}$. D. $|z| = \sqrt{\frac{13}{5}}$.

Câu 18. Cho số phức z thỏa mãn $(1 + 2i)\bar{z} = 7 + 4i$. Tìm số phức liên hợp của số phức $w = z - 3i$.

- A. $\bar{w} = 3 - 7i$. B. $\bar{w} = 3 + 7i$. C. $\bar{w} = 3 + i$. D. $\bar{w} = 3 - i$.

Câu 19. Gọi z_1, z_2 là các nghiệm của phương trình $z^2 + 4z + 5 = 0$. Đặt $w = (1 + z_1)^{100} + (1 + z_2)^{100}$. Khi đó

- A. $w = -2^{51}$. B. $w = 2^{50}i$. C. $w = -2^{50}i$. D. $w = 2^{51}$.

Câu 20. Cho số phức z thỏa mãn $z + (2 + i)\bar{z} = 3 + 5i$. Phần ảo của số phức $\bar{z}$ là:

A. -2 .

B. -3 .

C. 2 .

D. 3 .

Câu 21. Điểm nào trong các điểm sau đây là điểm biểu diễn hình học của số phức $z = -5 + 4i$ trong mặt phẳng tọa độ Oxy.

A. $A(-5; 4)$.

B. $C(5; -4)$.

C. $B(4; -5)$.

D. $D(4; 5)$.

Câu 22. Cho hai số phức $z_1 = 3 - i$ và $z_2 = 1 - 2i$. Tính môđun của số phức $z_1 + z_2$.

A. $|z_1 + z_2| = 5$.

B. $|z_1 + z_2| = \sqrt{7}$.

C. $|z_1 + z_2| = 1$.

D. $|z_1 + z_2| = 25$.

Câu 23. Tính môđun của số phức $z = \frac{1+2i}{1-i}$.

A. $|z| = \frac{\sqrt{5}}{2}$.

B. $|z| = \frac{\sqrt{10}}{2}$.

C. $|z| = \sqrt{10}$.

D. $|z| = \frac{5}{2}$.

Câu 24. Cho số phức $z = 4 - 5i$. Tính $\left|\frac{1}{z}\right|$.

A. $\left|\frac{1}{z}\right| = \sqrt{41}$.

B. $\left|\frac{1}{z}\right| = \frac{1}{\sqrt{41}}$.

C. $\left|\frac{1}{z}\right| = \frac{1}{41}$.

D. $\left|\frac{1}{z}\right| = 41$.

Câu 25. Cho số phức z thỏa mãn $|z - 1| = 2$; $w = (1 + \sqrt{3}i)z + 2$. Tập hợp điểm biểu diễn của số phức w là đường tròn, tính bán kính đường tròn đó.

A. $R = 5$.

B. $R = 3$.

C. $R = 4$.

D. $R = 2$.

----- **HẾT** -----

Tổng câu trắc nghiệm: 25.

Mã đề Câu	849	850	851	852
1	A	A	B	D
2	D	D	C	D
3	C	C	B	C
4	B	A	A	D
5	A	B	C	D
6	A	D	B	D
7	A	C	D	D
8	C	B	D	D
9	A	D	A	B
10	A	C	C	C
11	D	D	D	A
12	C	D	B	B
13	C	D	C	C
14	C	C	A	C
15	C	C	D	A
16	D	D	C	C
17	A	C	D	A
18	C	C	D	B
19	B	A	D	D
20	B	B	D	B
21	C	A	B	B
22	D	A	C	D
23	D	B	A	C
24	C	B	C	A
25	C	C	C	A